



gòu yòng

够用

adjective · enough for use; sufficient

Example Sentences

Zhè xiē qián gòu yòng le
这些钱够用了。

This money is enough.

Fáng jiān lǐ de kōng jiān gòu yòng ma
房间里的空间够用吗？

Is the space in the room sufficient?

Trace each character, then write the word on your own.

够	够	够	够	够	够	够	够	够	够	够
用	用	用	用	用	用	用	用			